

QUY CHẾ
CÔNG TÁC KIỂM SÁT VIỆC TẠM GIỮ, TẠM GIAM,
THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 501/QĐ-VKSTC
ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự quy định về kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam; kiểm sát việc thi hành án hình sự; kiểm sát trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án.

2. Quy chế này được áp dụng đối với Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát

1. Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự là một trong những công tác quan trọng, thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm:

a) Việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự; chế độ tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục phạm nhân; trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án; quyền khiếu nại, tố cáo những hành vi, quyết định trái pháp luật trong tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật;

b) Quyền con người và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người chấp hành án không bị luật hạn chế phải được tôn trọng và bảo vệ; bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành nghiêm chỉnh;

c) Mọi vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Quy chế này phải được phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh.

2. Khi kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự, Viện kiểm sát có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Trực tiếp kiểm sát tại cơ sở giam giữ; cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp và cấp dưới; cơ quan, tổ chức được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trực tiếp kiểm sát việc thi hành án phạt tù của trại giam đóng tại địa phương;

b) Kiểm sát hồ sơ tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự, hồ sơ quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án và về việc buộc chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

c) Gặp, hỏi người bị tạm giữ, người bị tạm giam và người chấp hành án về việc giam, giữ, thi hành án hình sự; xác minh, thu thập tài liệu để làm rõ vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự;

d) Tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục phạm nhân; kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án hình sự;

đ) Yêu cầu: thông báo tình hình chấp hành pháp luật; cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan; ra quyết định thi hành án và giải thích, sửa chữa bản án, quyết định của Tòa án; tự kiểm tra và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát; trả lời về quyết định, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật;

e) Phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật theo thẩm quyền; quyết định trả tự do ngay cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù không có căn cứ và trái pháp luật;

g) Đề nghị và kiểm sát việc miễn, hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ chấp hành án; tham gia và kiểm sát việc xét, quyết định miễn, giảm thời hạn chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp, rút ngắn thời gian thử thách của án treo, rút ngắn thời gian thử thách của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; ra văn bản thể hiện quan điểm, tham gia và kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên họp tha tù trước thời hạn có điều kiện, hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện; có ý kiến bằng văn bản và kiểm sát việc hưởng thời hiệu thi hành bản án, xóa án tích;

Tham gia phiên họp, có ý kiến bằng văn bản và kiểm sát trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án;

h) Kiểm sát việc đặc xá theo quy định của Luật Đặc xá;

i) Kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định có vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự; yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm và xử lý người vi phạm pháp luật; quyết định kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm các quyết định của Tòa án theo quy định của pháp luật;

k) Khởi tố hoặc yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm;

l) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Đối tượng công tác kiểm sát

Đối tượng của công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự là việc tuân theo pháp luật của Tòa án; cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam; cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam; cơ quan quản lý thi hành án hình sự; cơ quan

thi hành án hình sự; cơ quan, tổ chức được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự; người có thẩm quyền và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động tư pháp thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Quy chế này.

Điều 4. Phạm vi công tác kiểm sát

1. Công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam bắt đầu từ khi có việc đưa người bị tạm giữ, người bị tạm giam vào cơ sở giam giữ và kết thúc khi chấm dứt việc tạm giữ, tạm giam.

2. Công tác kiểm sát thi hành án hình sự bắt đầu từ khi bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án hình sự và kết thúc khi chấm dứt việc thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Công tác kiểm sát việc xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án bắt đầu từ khi Viện kiểm sát nhận được thông báo thụ lý hồ sơ đề nghị và kết thúc khi quyết định hoãn, miễn, giảm, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án có hiệu lực mà không có việc hủy bỏ quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; đồng thời kiểm sát việc Tòa án gửi quyết định đó.

Chương II

CÔNG TÁC KIỂM SÁT VIỆC TẠM GIỮ, TẠM GIAM

Điều 5. Kiểm sát việc tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam và hồ sơ quản lý tạm giữ, tạm giam

1. Viện kiểm sát kiểm sát việc tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam của cơ sở giam giữ nhằm bảo đảm cơ sở giam giữ thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 16 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Viện kiểm sát kiểm sát việc lập hồ sơ và thực hiện chế độ quản lý, lưu trữ hồ sơ tạm giữ, tạm giam của cơ sở giam giữ theo quy định tại Điều 17 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Kiểm sát căn cứ, thẩm quyền, thủ tục, thời hạn tạm giữ, tạm giam

1. Viện kiểm sát kiểm sát chặt chẽ về căn cứ, thẩm quyền, thủ tục, thời hạn áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Khi phát hiện việc tạm giữ, tạm giam vi phạm về căn cứ, thẩm quyền, thủ tục, thời hạn tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của cơ quan, cá nhân; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm đề kháng nghị, kiến nghị yêu cầu xử lý; đồng thời báo cáo Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp để chỉ đạo, phối hợp giải quyết.

Khi Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh phát hiện vi phạm của Tòa án nhân dân cấp cao về căn cứ, thủ tục hoặc thời hạn tạm giam thì ban hành kiến nghị

yêu cầu khắc phục vi phạm theo quy định tại Điều 5 và Điều 22 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Điều 42 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam; đồng thời gửi kiến nghị đến Viện kiểm sát nhân dân cấp cao để theo dõi. Trường hợp Tòa án nhân dân cấp cao không thực hiện kiến nghị, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh báo cáo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao để xem xét, quyết định.

3. Viện kiểm sát kiểm sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giam giữ theo quy định tại Điều 13 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam; chú trọng kiểm sát việc thông báo bằng văn bản cho cơ quan đang thụ lý vụ án trước khi hết thời hạn và việc kiến nghị khi hết thời hạn tạm giữ, tạm giam.

Điều 7. Kiểm sát việc thực hiện chế độ quản lý giam giữ

1. Viện kiểm sát kiểm sát việc thực hiện chế độ quản lý giam giữ của cơ sở giam giữ theo quy định tại Chương III Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và các quy định của pháp luật khác có liên quan, trong đó chú trọng một số nội dung sau:

- a) Việc phân loại quản lý người bị tạm giữ, người bị tạm giam;
- b) Việc thực hiện chế độ quản lý đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam;
- c) Việc thực hiện trích xuất người bị tạm giữ, người bị tạm giam;
- d) Việc chuyển giao người bị tạm giữ, người bị tạm giam;
- đ) Việc gặp thân nhân, người bào chữa, tiếp xúc lãnh sự của người bị tạm giữ, người bị tạm giam;
- e) Việc kỷ luật người bị tạm giữ, người bị tạm giam vi phạm nội quy của cơ sở giam giữ, chế độ quản lý giam giữ;
- g) Việc quản lý đồ vật, tư trang, tiền, tài sản của người bị tạm giữ, người bị tạm giam;
- h) Việc giải quyết trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam bỏ trốn;
- i) Việc giải quyết trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam chết;

2. Khi phát hiện vi phạm, tồn tại trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam thì Viện kiểm sát thực hiện quyền kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu cơ quan quản lý, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam khắc phục ngay và có biện pháp chấn chỉnh, tổ chức phòng ngừa theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 8. Kiểm sát việc bảo đảm quyền và các chế độ đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam

1. Viện kiểm sát kiểm sát việc cơ sở giam giữ bảo đảm cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm nhân đạo, không tra tấn, truy bức, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

2. Viện kiểm sát kiểm sát việc cơ sở giam giữ bảo đảm thực hiện các chế độ ăn, ở, mặc và tư trang; gửi và nhận thư, sách báo, tài liệu; chăm sóc y tế, sinh hoạt tinh thần đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định

tại Chương IV Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam; chú ý các chế độ đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người bị kết án tử hình đang bị tạm giam theo quy định tại Chương V, Chương VI Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Khi phát hiện vi phạm, tồn tại trong việc thực hiện chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Viện kiểm sát thực hiện quyền kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu cơ quan quản lý, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam khắc phục và có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

Điều 9. Tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam

1. Đơn từ tất cả các nguồn đều phải được phân loại, xử lý và quản lý thống nhất qua đơn vị, bộ phận Kiểm sát và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp theo quy định tại Chương III Quy chế tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp (ban hành kèm theo Quyết định số 51/QĐ-VKSTC-V12 ngày 02/02/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao) (sau đây viết tắt là Quy chế 51).

2. Khi kiểm sát tại cơ sở giam giữ nếu nhận được đơn khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải lập biên bản ghi nhận việc tiếp nhận đơn với cơ sở giam giữ, chuyển cho đơn vị có thẩm quyền giải quyết, đồng thời sao gửi đến đơn vị, bộ phận Kiểm sát và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân; Chương IX Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và Quy chế 51.

Chương III

CÔNG TÁC KIỂM SÁT VIỆC THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

Điều 10. Kiểm sát việc Tòa án gửi bản án, quyết định

1. Viện kiểm sát kiểm sát việc Tòa án gửi bản án, quyết định sau đây cho Viện kiểm sát, người bị kết án và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành án:

a) Quyết định thi hành án;

b) Quyết định ủy thác thi hành án; quyết định áp dụng biện pháp tư pháp, quyết định hoãn chấp hành án, quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án, giảm thời hạn chấp hành án, miễn chấp hành án, quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định buộc người đang chấp hành án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, quyết định hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định rút ngắn thời hạn thử thách của án treo, quyết định rút ngắn thời hạn thử thách của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định xóa án tích.

2. Khi phát hiện vi phạm về thời hạn, đối tượng, thủ tục, Viện kiểm sát thực hiện quyền kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu Tòa án thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 11. Kiểm sát việc Toà án ra quyết định thi hành án, quyết định ủy thác thi hành án, quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh

1. Viện kiểm sát kiểm sát thời hạn ra quyết định, thẩm quyền ra quyết định và nội dung của quyết định thi hành án của Tòa án đã xét xử sơ thẩm; kiểm sát việc ra quyết định ủy thác cho Tòa án khác cùng cấp ra quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 364 Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Thi hành án hình sự.

Trường hợp phát hiện vi phạm của Tòa án đã xét xử sơ thẩm, thì tùy từng trường hợp cụ thể, Viện kiểm sát thực hiện quyền kháng nghị, kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm hoặc ra văn bản yêu cầu Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định ủy thác thi hành án, Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án đã ra quyết định ủy thác phải thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án nhận ủy thác biết để kiểm sát. Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án nhận ủy thác phải thông báo lại cho Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án đã ủy thác biết việc đã nhận được thông báo.

3. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu kiểm sát việc Tòa án cùng cấp ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong giai đoạn thi hành án theo quy định tại Điều 452 Bộ luật Tố tụng hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 12. Kiểm sát việc thi hành quyết định thi hành án phạt tù

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án phạt tù đối với người bị kết án đang tại ngoại của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát cùng cấp phải sao gửi quyết định đó cho Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi người bị kết án đang tại ngoại biết để kiểm sát.

2. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi người bị kết án đang tại ngoại kiểm sát thời hạn người bị kết án phải có mặt tại trụ sở cơ quan thi hành án hình sự được chỉ định trong quyết định thi hành án; nếu quá thời hạn mà người bị kết án không có mặt hoặc bỏ trốn nhưng cơ quan thi hành án hình sự không ra quyết định áp giải, quyết định truy nã thì Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự thực hiện và kiểm sát việc ra quyết định áp giải, quyết định truy nã của cơ quan thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Đối với người bị kết án đang bị tạm giam, Viện kiểm sát phải kiểm sát thời hạn tổng đạt quyết định thi hành án phạt tù, thời hạn lập hồ sơ, danh sách báo cáo cơ quan quản lý thi hành án hình sự của trại tạm giam và cơ quan thi hành án hình sự.

4. Viện kiểm sát kiểm sát việc thực hiện chế độ đối với người chấp hành án trong thời gian chờ chuyển đến nơi chấp hành án phạt tù, bảo đảm cho họ được hưởng chế độ như đối với phạm nhân.

Điều 13. Kiểm sát việc hoãn chấp hành án phạt tù

1. Viện kiểm sát kiểm sát việc Chánh án Tòa án có thẩm quyền xem xét và quyết định cho người bị kết án phạt tù được hoãn chấp hành án phạt tù, bảo đảm đúng đối tượng, thủ tục, điều kiện được hoãn, thời gian hoãn theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Bộ luật Hình sự và Điều 23 Luật Thi hành án hình sự.

2. Trường hợp thấy có đủ căn cứ hoãn chấp hành án phạt tù, Viện kiểm sát ra văn bản đề nghị Chánh án Tòa án cùng cấp đã ra quyết định thi hành án cho người bị kết án phạt tù đang tại ngoại được hoãn chấp hành án.

3. Viện kiểm sát kiểm sát việc Chánh án Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù ra thông báo và gửi thông báo trước khi hết thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù theo quy định tại khoản 6 Điều 24 Luật Thi hành án hình sự.

4. Kiểm sát việc thi hành quyết định hoãn chấp hành án phạt tù được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định hoãn chấp hành án phạt tù của Tòa án cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu phải sao gửi quyết định hoãn chấp hành án phạt tù cho Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi người được hoãn chấp hành án phạt tù đang cư trú hoặc Viện kiểm sát quân sự khu vực có thẩm quyền biết để kiểm sát. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự khu vực thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu biết việc đã nhận được quyết định;

b) Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi người được hoãn chấp hành án phạt tù đang cư trú hoặc Viện kiểm sát quân sự khu vực có thẩm quyền kiểm sát chặt chẽ việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 24 Luật Thi hành án hình sự; chú ý kiểm sát việc ra quyết định áp giải, quyết định truy nã của cơ quan thi hành án hình sự nếu người được hoãn chấp hành án phạt tù không có mặt hoặc bỏ trốn theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Kiểm sát việc quản lý và giáo dục phạm nhân

1. Viện kiểm sát kiểm sát việc tiếp nhận người chấp hành án phạt tù và hồ sơ kèm theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Luật Thi hành án hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan của trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện được chỉ định thi hành án; kiểm sát hồ sơ thi hành án phạt tù nhằm bảo đảm hồ sơ phạm nhân được cập nhật đầy đủ các tài liệu phát sinh trong quá trình chấp hành án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát kiểm sát việc trả tự do cho phạm nhân của trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu theo quy định tại Điều 40 Luật Thi hành án hình sự.

2. Viện kiểm sát kiểm sát việc thực hiện chế độ quản lý giam giữ, giáo dục phạm nhân của trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện được chỉ định thi hành án theo quy định tại Mục 1 Chương III Luật Thi hành án hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan, trong đó chú trọng một số nội dung sau:

- a) Việc thực hiện phân loại giam giữ và tổ chức giam giữ theo loại; việc nâng, hạ loại phạm nhân;
- b) Việc tuần tra, canh gác, lục soát, dẫn giải, kiểm soát phạm nhân;
- c) Việc thực hiện chế độ lao động, học tập, học nghề và được thông tin của phạm nhân;
- d) Việc chấp hành nội quy trại giam; việc trích xuất, khen thưởng, xử lý phạm nhân vi phạm;
- đ) Việc đánh giá, xếp loại thi đua chấp hành án phạt tù.

3. Viện kiểm sát kiểm sát việc thực hiện chế độ ăn, mặc, ở, sinh hoạt, chăm sóc y tế đối với phạm nhân theo quy định tại Mục 2 Chương III Luật Thi hành án hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan, chú trọng việc thực hiện chế độ đối với phạm nhân nữ có thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

4. Viện kiểm sát kiểm sát việc thực hiện những quy định đối với phạm nhân là người dưới 18 tuổi theo quy định tại Mục 3 Chương III Luật Thi hành án hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 15. Kiểm sát việc tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù

1. Khi kiểm sát việc tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi phạm nhân đang chấp hành án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

a) Khi thấy phạm nhân đủ điều kiện tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, Viện kiểm sát có văn bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền nơi phạm nhân đang chấp hành án quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Thi hành án hình sự lập hồ sơ đề nghị hoặc tự mình lập hồ sơ đề nghị Tòa án cùng cấp xem xét, quyết định việc tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù cho người đó theo quy định tại khoản 1 Điều 67, Điều 68 Bộ luật Hình sự, Điều 31 Luật Thi hành án hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

b) Kiểm sát về thời hạn xem xét và đối tượng, thủ tục, điều kiện được tạm đình chỉ, thời gian tạm đình chỉ trong quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù của Chánh án Tòa án cùng cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Bộ luật Hình sự, khoản 3 Điều 31 Luật Thi hành án hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Kiểm sát việc thi hành quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định tạm đình chỉ chấp hành án, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi phạm nhân đang chấp hành án thông báo và sao gửi

quyết định tạm đình chỉ cho Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi người được tạm đình chỉ về cư trú hoặc Viện kiểm sát quân sự khu vực có thẩm quyền biết để kiểm sát. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự khu vực thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu biết việc đã nhận được quyết định;

b) Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi người được tạm đình chỉ về cư trú hoặc Viện kiểm sát quân sự khu vực có thẩm quyền kiểm sát chặt chẽ việc tổ chức bàn giao, theo dõi, giám sát người được tạm đình chỉ; việc tiếp tục thi hành án đối với người được tạm đình chỉ theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 32 Luật Thi hành án hình sự.

Điều 16. Kiểm sát việc đình chỉ thi hành án phạt tù

1. Trong trường hợp người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án chết, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án về cư trú hoặc Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, Viện kiểm sát quân sự khu vực có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Kiểm sát chặt chẽ việc thông báo của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan quân sự cấp quân khu;

b) Ra văn bản thông báo cho Viện kiểm sát nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Viện kiểm sát nơi Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án để kiểm sát theo thẩm quyền. Viện kiểm sát nhận được thông báo phải thông báo lại bằng văn bản cho Viện kiểm sát đã thông báo biết.

2. Viện kiểm sát nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án kiểm sát việc Tòa án ra quyết định đình chỉ thi hành án theo quy định tại khoản 5 Điều 24 và khoản 5 Điều 32 Luật Thi hành án hình sự.

Điều 17. Kiểm sát việc đình chỉ chấp hành án phạt tù

1. Trong trường hợp phạm nhân chết, Viện kiểm sát có thẩm quyền nơi phạm nhân đang chấp hành án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Kiểm sát việc trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự (hoặc nhà tạm giữ) Công an cấp huyện thông báo phạm nhân chết cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án;

b) Ra văn bản thông báo cho Viện kiểm sát nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án để kiểm sát theo thẩm quyền. Viện kiểm sát nhận được thông báo phải thông báo lại bằng văn bản cho Viện kiểm sát đã thông báo biết.

2. Viện kiểm sát nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án kiểm sát việc Tòa án ra quyết định đình chỉ việc chấp hành án phạt tù theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Thi hành án hình sự.

Điều 18. Kiểm sát việc giảm thời hạn chấp hành án phạt tù

1. Khi kiểm sát việc giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi phạm nhân đang chấp hành án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi phạm nhân chấp hành án theo đúng quy định pháp luật. Trường hợp phạm nhân đủ điều kiện giảm thời hạn chấp hành án phạt tù nhưng không được cơ quan có thẩm quyền đề nghị thì Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan đó đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù cho họ;

b) Tham gia phiên họp và kiểm sát việc xét, quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của Tòa án theo quy định của pháp luật;

c) Kiểm sát việc tổ chức công bố quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, chú trọng những trường hợp giảm hết thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại.

2. Trường hợp phạm nhân chấp hành án phạt tù tại nhà tạm giữ Công an cấp huyện có đủ điều kiện giảm thời hạn chấp hành án phạt tù nhưng không được cơ quan có thẩm quyền đề nghị thì Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện báo cáo Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh để giải quyết theo thẩm quyền.

3. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi phạm nhân đang chấp hành án, Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiểm sát quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của Tòa án theo quy định của pháp luật; nếu phát hiện vi phạm, thực hiện quyền kháng nghị, kiến nghị theo quy định tại Điều 42, Điều 43 Quy chế này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 19. Kiểm sát việc tha tù, thi hành quyết định tha tù, hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi phạm nhân đang chấp hành án kiểm sát việc tha tù, thi hành quyết định tha tù, hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện của cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm thẩm quyền, điều kiện, đối tượng, trình tự, thủ tục theo quy định của Điều 66 Bộ luật Hình sự, Điều 368 Bộ luật Tố tụng hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Trường hợp phạm nhân có đủ điều kiện tha tù trước thời hạn có điều kiện nhưng không được cơ quan có thẩm quyền đề nghị thì yêu cầu cơ quan đó lập hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện cho họ.

2. Viện kiểm sát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 368 Bộ luật Tố tụng hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định rút ngắn thời gian thử thách cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu sao gửi quyết định đó cho Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú hoặc Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, Viện kiểm sát quân sự khu vực có thẩm quyền biết để kiểm sát. Viện kiểm sát đã nhận được quyết định thông báo cho Viện kiểm sát

nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu biết việc đã nhận được quyết định.

3. Trường hợp phạm nhân chấp hành án phạt tù tại nhà tạm giữ Công an cấp huyện có đủ điều kiện tha tù trước thời hạn có điều kiện nhưng không được cơ quan có thẩm quyền đề nghị thì Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện báo cáo Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh để giải quyết theo thẩm quyền.

4. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú, Viện kiểm sát quân sự khu vực có thẩm quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cư trú, đơn vị quân đội nơi người được tha tù trước thời hạn làm việc trong thực hiện nhiệm vụ giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

5. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện kiểm sát việc lập hồ sơ, đề nghị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện của cơ quan thi hành sự Công an cấp huyện.

6. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp kiểm sát quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn và quyết định rút ngắn thời gian thử thách của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật; nếu phát hiện vi phạm, thực hiện quyền kháng nghị, kiến nghị theo quy định tại Điều 42, Điều 43 Quy chế này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 20. Kiểm sát việc miễn chấp hành án phạt tù

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi phạm nhân chấp hành án; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi người chấp hành án phạt tù được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành án đang cư trú hoặc làm việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Trường hợp người bị kết án có đủ điều kiện quy định tại Điều 62 Bộ luật Hình sự thì yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền cung cấp hồ sơ, tài liệu để Viện kiểm sát đề nghị hoặc tự mình lập hồ sơ đề nghị Tòa án cùng cấp xét cho người bị kết án phạt tù được miễn chấp hành án phạt tù theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

b) Kiểm sát thời hạn xem xét, tham gia phiên họp và kiểm sát việc quyết định miễn chấp hành án phạt tù của Tòa án cùng cấp, bảo đảm thủ tục miễn chấp hành án phạt tù theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Kiểm sát việc thi hành quyết định miễn chấp hành án phạt tù của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Luật Thi hành án hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiểm sát quyết định miễn chấp hành án phạt tù của Tòa án theo quy định của pháp luật; nếu phát hiện vi phạm, thực hiện

quyền kháng nghị, kiến nghị theo quy định tại Điều 42, Điều 43 Quy chế này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 21. Kiểm sát việc đặc xá

1. Viện kiểm sát kiểm sát việc thực hiện trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị đặc xá, thực hiện Quyết định đặc xá của Chủ tịch nước tại các trại giam, trại tạm giam theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 15 và Điều 18 Luật Đặc xá. Trường hợp phạm nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đặc xá nhưng không được cơ quan có thẩm quyền đề nghị thì Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan đó đề nghị đặc xá cho họ.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây theo quy định của Luật Đặc xá, Quyết định về đặc xá của Chủ tịch nước và Hướng dẫn của Hội đồng tư vấn đặc xá:

a) Trực tiếp kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị đặc xá, thực hiện Quyết định đặc xá của Chủ tịch nước tại các trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an;

b) Tham gia kiểm tra, thẩm định danh sách, hồ sơ của người được đề nghị đặc xá do trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Công an cấp tỉnh trình;

c) Nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, danh sách người đủ điều kiện và người không đủ điều kiện đề nghị đặc xá do Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá và Tòa án nhân dân tối cao chuyển đến;

d) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức lập hồ sơ, thực hiện Quyết định đặc xá của Chủ tịch nước trong trường hợp đặc biệt;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu thực hiện kiểm sát việc đặc xá.

3. Viện kiểm sát quân sự trung ương kiểm sát việc trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng lập hồ sơ đề nghị đặc xá, thực hiện quyết định đặc xá của Chủ tịch nước.

4. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu kiểm sát việc trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh, các trại tạm giam thuộc quân khu lập hồ sơ đề nghị đặc xá, thực hiện quyết định đặc xá của Chủ tịch nước theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao; nếu phát hiện trường hợp có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đặc xá nhưng không được cơ quan có thẩm quyền đề nghị thì báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, quyết định.

Điều 22. Kiểm sát việc thi hành quyết định tiếp nhận, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù

Viện kiểm sát kiểm sát việc thi hành quyết định tiếp nhận, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam để chấp hành án và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài; kiểm sát việc thực hiện chế độ quản lý giam giữ, giáo dục, xem xét giảm án, tha tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện, đặc xá, đại xá và các chế độ khác cho

người đang chấp hành án phạt tù được chuyển giao theo quy định tại Điều 41 Luật Thi hành án hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 23. Kiểm sát thi hành án tử hình

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc thi hành án tử hình về các nội dung sau:

a) Kiểm sát việc Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm ra quyết định thi hành án tử hình, quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình theo quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1, khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 54, Điều 55 Luật Thi hành án hình sự;

b) Kiểm sát việc hưởng thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 60 và Điều 61 Bộ luật Hình sự;

c) Kiểm sát việc tuân theo pháp luật về trình tự, quy trình thi hành án tử hình, việc giải quyết xin nhận tử thi, hài cốt của người bị thi hành án tử hình theo quy định tại Điều 59, Điều 60 Luật Thi hành án hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Khi tiến hành kiểm sát việc thi hành án tử hình, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nếu phát hiện những trường hợp thuộc quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 58 Luật Thi hành án hình sự thì thực hiện như sau:

a) Đại diện Viện kiểm sát phải yêu cầu Hội đồng thi hành án tử hình hoãn ngay việc thi hành án;

b) Kiểm sát việc hoãn thi hành án tử hình theo quy định tại Điều 58 Luật Thi hành án hình sự;

c) Báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo quy định tại Điều 53 Quy chế này.

3. Kiểm sát việc xem xét chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân cho người bị kết án theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 40 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 24. Kiểm sát việc thi hành án treo, án phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án treo, án phạt cải tạo không giam giữ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu, Viện kiểm sát cùng cấp phải sao gửi quyết định đó cho Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi người chấp hành án cư trú, làm việc hoặc học tập, Viện kiểm sát quân sự khu vực có thẩm quyền biết để kiểm sát. Viện kiểm sát đã nhận được quyết định phải thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu biết việc đã nhận được quyết định.

2. Khi kiểm sát việc thi hành án treo, án phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự khu vực có

thẩm quyền, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi người chấp hành án cư trú, làm việc hoặc học tập thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Kiểm sát việc cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền nơi người chấp hành án cư trú, làm việc hoặc học tập trong thực hiện quyết định thi hành án, lập, bổ sung hồ sơ thi hành án, cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong thời gian thử thách của án treo, án phạt cải tạo không giam giữ, đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo, giảm thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, theo dõi, thống kê việc thi hành án phạt cảnh cáo;

b) Kiểm sát việc Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội nơi người chấp hành án cư trú, làm việc hoặc học tập trong thực hiện nhiệm vụ giám sát, giáo dục người được hưởng án treo và người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Chương V Luật Thi hành án hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

c) Kiểm sát việc cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự trong lập hồ sơ, đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét quyết định buộc người chấp hành án phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo nếu trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên; kiểm sát việc Tòa án xem xét, quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo;

d) Lập hồ sơ hoặc kiểm sát việc cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị miễn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ;

đ) Tham gia phiên họp và kiểm sát việc xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách của án treo, giảm thời hạn và xét miễn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ của Tòa án cùng cấp.

3. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp kiểm sát quyết định rút ngắn thời gian thử thách của án treo, giảm thời hạn và xét miễn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ của Tòa án theo quy định của pháp luật; nếu phát hiện vi phạm, thực hiện quyền kháng nghị, kiến nghị theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 42, Điều 43 Quy chế này.

Điều 25. Kiểm sát thi hành án phạt cấm cư trú, quản chế

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu kiểm sát việc thực hiện thủ tục thi hành án đối với phạm nhân có hình phạt bổ sung là cấm cư trú, quản chế của Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam theo quy định tại Điều 82 và Điều 89 Luật Thi hành án hình sự.

2. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi người chấp hành án phạt cấm cư trú, quản chế về cư trú kiểm sát việc thực hiện thủ tục thi hành án phạt cấm cư trú, quản chế; lập, bổ sung hồ sơ thi hành án, lập hồ sơ đề nghị miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú, quản chế còn lại; việc thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm soát, giáo dục người chấp hành án về cư trú của Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án phạt

cấm cư trú, quản chế về cư trú theo quy định tại Mục 1 và Mục 2 Chương VI Luật Thi hành án hình sự.

Tham gia phiên họp và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án cùng cấp trong việc xét, quyết định miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú, quản chế còn lại theo quy định tại khoản 6 Điều 62 Bộ luật Hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp kiểm sát quyết định miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú, quản chế còn lại của Tòa án theo quy định của pháp luật; nếu phát hiện vi phạm, thực hiện quyền kháng nghị, kiến nghị theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 42, Điều 43 Quy chế này.

Điều 26. Kiểm sát thi hành án phạt trực xuất

Khi kiểm sát thi hành án phạt trực xuất, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nội dung sau:

1. Kiểm sát việc cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp ra thông báo, lập hồ sơ thi hành án phạt trực xuất, việc thực hiện thủ tục đưa người chấp hành án phạt trực xuất vào cơ sở lưu trú, việc thông báo người chấp hành án phạt trực xuất chết theo quy định tại Chương VII Luật Thi hành án hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

2. Kiểm sát việc cơ sở lưu trú hoặc nơi lưu trú chỉ định giải quyết trường hợp người chấp hành án phạt trực xuất trốn theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

3. Kiểm sát việc cơ sở lưu trú thuộc Bộ Công an thực hiện chế độ ăn, ở, sinh hoạt, thăm gặp, khám bệnh, chữa bệnh đối với người chấp hành án phạt trực xuất theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Kiểm sát thi hành án phạt tước một số quyền công dân

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh kiểm sát việc Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thực hiện thủ tục thi hành án đối với phạm nhân có hình phạt bổ sung là tước một số quyền công dân theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 103 Luật Thi hành án hình sự.

2. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện kiểm sát việc cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp, cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự thực hiện thủ tục thi hành án; kiểm sát việc lập hồ sơ, theo dõi, giám sát việc thực hiện thi hành án phạt tước một số quyền công dân theo quy định tại Chương VIII Luật Thi hành án hình sự.

Điều 28. Kiểm sát thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định

1. Viện kiểm sát kiểm sát việc Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thực hiện thủ tục thi hành án đối với

phạm nhân có hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 107 Luật Thi hành án hình sự.

2. Viện kiểm sát kiểm sát việc cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự thực hiện thủ tục thi hành án, theo dõi, giám sát việc thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định theo quy định tại Chương IX Luật Thi hành án hình sự.

Điều 29. Kiểm sát việc áp dụng thời hiệu thi hành bản án

1. Viện kiểm sát phối hợp với Công an, Tòa án nơi đã xét xử sơ thẩm để xác định điều kiện người bị kết án được hưởng thời hiệu thi hành bản án theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát phải có ý kiến bằng văn bản nêu rõ quan điểm về điều kiện người bị kết án được hưởng thời hiệu thi hành bản án.

2. Viện kiểm sát kiểm sát việc Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm quyết định cho người bị kết án được hưởng thời hiệu thi hành bản án theo các điều kiện quy định tại Điều 60, Điều 61 Bộ luật Hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 30. Kiểm sát việc thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại

Viện kiểm sát kiểm sát việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thi hành án phạt đối với pháp nhân thương mại theo quy định của pháp luật và quy định của Quy chế này.

Điều 31. Kiểm sát việc xóa án tích

1. Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc Tòa án thực hiện thủ tục xóa án tích theo quy định tại Điều 369 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Viện kiểm sát phải có ý kiến bằng văn bản thể hiện rõ quan điểm về việc người chấp hành án đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được xóa án tích và chuyển lại tài liệu cho Tòa án.

Điều 32. Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Đơn khiếu nại, tố cáo trong thi hành án hình sự từ tất cả các nguồn đều phải được phân loại, xử lý và quản lý thống nhất qua đơn vị, bộ phận Kiểm sát và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp theo quy định tại Chương III Quy chế 51.

2. Khi kiểm sát tại trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ nếu nhận được đơn khiếu nại, tố cáo trong quản lý, giáo dục phạm nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Viện kiểm sát thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên lập biên bản ghi nhận việc tiếp nhận đơn với đơn vị được kiểm sát, chuyển cho đơn vị có thẩm quyền giải quyết, đồng thời sao gửi đến đơn vị, bộ phận Kiểm sát và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo của Viện kiểm sát trong thi hành án hình sự thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 152, điểm h khoản 1 Điều 168 Luật Thi hành án hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

4. Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Tòa án, cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan, tổ chức được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự.

5. Thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo; thẩm quyền, nhiệm vụ, các biện pháp kiểm sát, căn cứ và việc áp dụng, ban hành các văn bản trong hoạt động kiểm sát, các bước cụ thể trong thực hiện khi kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án hình sự thực hiện theo quy định tại Chương XIII Luật Thi hành án hình sự và Quy chế 51.

Chương IV

KIỂM SÁT TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH VIỆC HOÃN, MIỄN CHẤP HÀNH, GIẢM THỜI HẠN, TẠM ĐÌNH CHỈ HOẶC MIỄN CHẤP HÀNH PHẦN THỜI GIAN ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH CÒN LẠI CỦA TÒA ÁN VÀ KIỂM SÁT THI HÀNH BIỆN PHÁP TƯ PHÁP

Điều 33. Kiểm sát việc quyết định và gửi quyết định của Tòa án

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện kiểm sát việc Tòa án cùng cấp xem xét quyết định hoãn, miễn chấp hành; giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại và việc gửi các quyết định đó theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Chương III Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20/01/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án (sau đây viết tắt là Pháp lệnh số 09).

2. Sau khi nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý hồ sơ đề nghị hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại, trước khi Tòa án ra quyết định, nếu xét thấy cần thiết thì Viện kiểm sát có văn bản nêu rõ quan điểm về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị và gửi cho Tòa án.

3. Khi thực hiện công tác kiểm sát, Viện kiểm sát thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị theo quy định của pháp luật và Quy chế này, bảo đảm việc giải quyết kịp thời, đúng pháp luật.

Điều 34. Kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh kiểm sát việc Tòa án cùng cấp xem xét giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quyết định hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, quyết định giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại theo quy định tại Chương IV Pháp lệnh số 09.

2. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh cử Kiểm sát viên tham gia các phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quyết định hoãn, miễn chấp hành, quyết định giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại.

Tại phiên họp, trường họp Viện kiểm sát kháng nghị thì Kiểm sát viên trình bày nội dung kháng nghị nêu rõ quan điểm của Viện kiểm sát; trường họp Viện kiểm sát không kháng nghị thì Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 35. Kiểm sát thi hành biện pháp tư pháp

Viện kiểm sát kiểm sát việc thi hành biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh, biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại các mục 1, 2 và 4 Chương X Luật Thi hành án hình sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan về các nội dung sau:

1. Kiểm sát việc lập hồ sơ, việc thực hiện thủ tục thi hành các biện pháp tư pháp;

2. Kiểm sát việc thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ thi hành biện pháp tư pháp, người được giao nhiệm vụ trực tiếp giám sát, giáo dục;

3. Kiểm sát việc thực hiện chế độ quản lý học sinh trường giáo dưỡng; chế độ học văn hoá, giáo dục hướng nghiệp, học nghề; chế độ sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, vui chơi giải trí; chế độ ăn, mặc, ở và đồ dùng sinh hoạt, chăm sóc y tế và chế độ gặp thân nhân, liên lạc, nhận tiền, đồ vật, tài sản của học sinh trường giáo dưỡng; kiểm sát việc thực hiện chế độ đối với người thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh;

4. Kiểm sát việc Tòa án, cơ quan, tổ chức và người có trách nhiệm được giao nhiệm vụ thi hành biện pháp tư pháp lập hồ sơ, đề nghị, xem xét và quyết định hoãn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, chấm dứt trước thời hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội;

5. Kiểm sát việc trích xuất, xử lý vi phạm, khen thưởng học sinh trường giáo dưỡng, bảo đảm đúng thủ tục, trình tự, thẩm quyền theo quy định tại Điều 128 và Điều 138 Luật Thi hành án hình sự.

Điều 36. Phương thức kiểm sát, biện pháp xử lý, khắc phục vi phạm, quản lý tình hình và quan hệ công tác, chế độ thông tin báo cáo

Viện kiểm sát thực hiện phương thức kiểm sát, biện pháp xử lý, khắc phục vi phạm, quản lý tình hình và quan hệ công tác, chế độ thông tin báo cáo trong kiểm sát trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án và kiểm sát thi hành biện pháp tư pháp theo quy định tương ứng tại Quy chế này.

Chương V

PHƯƠNG THỨC KIỂM SÁT VÀ BIỆN PHÁP XỬ LÝ, KHẮC PHỤC VI PHẠM

Điều 37. Phương thức kiểm sát, biện pháp xử lý, khắc phục vi phạm và hệ thống biểu mẫu nghiệp vụ

1. Khi kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự, Viện kiểm sát sử dụng các phương thức sau đây:

a) Thực hiện quyền yêu cầu;

b) Kiểm sát quyết định về thi hành án hình sự; kiểm sát hồ sơ tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự;

c) Trực tiếp gặp, hỏi; xác minh, thu thập tài liệu;

d) Trực tiếp kiểm sát.

2. Khi kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự, Viện kiểm sát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây để khắc phục, xử lý vi phạm:

a) Kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định có vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam, chấm dứt, khắc phục hành vi vi phạm pháp luật và trả lời về quyết định, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật; kiến nghị, yêu cầu xử lý người vi phạm pháp luật;

b) Quyết định trả tự do ngay cho người đang bị tạm giữ, người đang bị tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù không có căn cứ và trái pháp luật;

c) Khởi tố hoặc yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố về hình sự.

3. Viện kiểm sát các cấp sử dụng hệ thống biểu mẫu nghiệp vụ về công tác kiểm sát tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành. Thẩm quyền ký, ký thay, ký thừa lệnh, ký thừa ủy quyền đối với văn bản thuộc Viện kiểm sát nhân dân các cấp được thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này. Viện kiểm sát quân sự các cấp thực hiện theo quy định của Viện kiểm sát quân sự trung ương.

Điều 38. Thực hiện quyền yêu cầu

Khi kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự, Viện kiểm sát thực hiện quyền yêu cầu sau:

1. Yêu cầu cơ sở giam giữ cùng cấp và cấp dưới thông báo tình hình chấp hành pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam, xác định rõ nguyên nhân, điều kiện dẫn đến vi phạm và biện pháp loại trừ vi phạm (nếu có); trả lời về quyết định, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam;

2. Yêu cầu cơ sở giam giữ cùng cấp và cấp dưới tự kiểm tra việc tạm giữ, tạm giam và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát; cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc tạm giữ, tạm giam;

Yêu cầu Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan, tổ chức được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự tự kiểm tra việc thi hành án hình sự và thông báo kết quả kiểm tra cho Viện kiểm sát; cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc thi hành án hình sự;

3. Yêu cầu Tòa án ra quyết định thi hành án trong trường hợp Tòa án không ra quyết định thi hành án theo thời hạn quy định tại Điều 364 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Yêu cầu Tòa án đã ra bản án, quyết định giải thích, sửa chữa những điểm chưa rõ trong bản án, quyết định để thi hành.

Điều 39. Kiểm sát quyết định về thi hành án hình sự; kiểm sát hồ sơ tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự

1. Viện kiểm sát kiểm sát các quyết định về thi hành án hình sự sau đây của Tòa án có thẩm quyền:

- a) Quyết định thi hành án, miễn, hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ chấp hành án;
- b) Quyết định giảm, miễn thời hạn chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp, rút ngắn thời gian thử thách của án treo;
- c) Quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, rút ngắn thời gian thử thách của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện;
- d) Các quyết định khác trong thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Ngay sau khi nhận được các quyết định nêu tại khoản 1 Điều này, Viện kiểm sát vào sổ thụ lý và phân công Kiểm sát viên, Kiểm tra viên thực hiện kiểm sát. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được phân công thực hiện các hoạt động sau đây:

- a) Kiểm sát thời hạn xem xét quyết định, căn cứ, thẩm quyền, hình thức, nội dung của quyết định theo quy định của pháp luật và Quy chế này;
- b) Lập Phiếu kiểm sát quyết định về thi hành án, ghi rõ kết quả kiểm sát. Trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật thì phải ghi rõ nội dung vi phạm và đề xuất biện pháp khắc phục, xử lý vi phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Quy chế này.

3. Viện kiểm sát kiểm sát các hồ sơ tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự sau đây:

- a) Hồ sơ do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến Viện kiểm sát;
- b) Hồ sơ khi trực tiếp kiểm sát tại cơ sở giam giữ, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan, tổ chức được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự.

4. Việc kiểm sát hồ sơ nêu tại khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:

- a) Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải nghiên cứu hồ sơ, làm rõ các vấn đề sau:
 - Hồ sơ có đầy đủ các tài liệu (lệnh, quyết định, biên bản và các tài liệu khác) hay không;
 - Trình tự, thủ tục thi hành tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự có đúng quy định của pháp luật không;
 - Hình thức, thẩm quyền ban hành hoặc tạo lập, nội dung của các tài liệu trong hồ sơ có đúng quy định của pháp luật không;
 - Xác định có hay không có hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong quá trình thi hành tạm giữ, tạm giam, thi hành

án hình sự; xác định nội dung, mức độ, nguyên nhân vi phạm, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân.

b) Khi nghiên cứu hồ sơ nếu phát hiện vi phạm, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải trích yếu hồ sơ; chỉ rõ vi phạm, nêu căn cứ pháp lý của vi phạm.

Trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật trong khi trực tiếp kiểm sát, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên lập biên bản xác định vi phạm nếu thấy cần thiết và báo cáo ngay kết quả kiểm sát hồ sơ, đề xuất quan điểm xử lý vi phạm với Trưởng đoàn, đồng thời gửi báo cáo cho Thư ký Đoàn để tổng hợp, xây dựng dự thảo kết luận, dự thảo kháng nghị và dự thảo kiến nghị (nếu có).

Trường hợp nghiên cứu hồ sơ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, nếu phát hiện vi phạm thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải báo cáo kết quả kiểm sát với lãnh đạo, đề xuất quan điểm xử lý vi phạm, dự thảo văn bản kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu hoặc văn bản quyết định, kết luận giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Trực tiếp gặp, hỏi; xác minh, thu thập tài liệu

1. Khi tiến hành kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên có thể trực tiếp gặp, hỏi người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người chấp hành án và người thi hành biện pháp tư pháp; trường hợp cần thiết thì có thể lập biên bản, lấy lời khai của họ.

2. Khi xét thấy cần thiết, Viện kiểm sát tiến hành xác minh, thu thập tài liệu để làm rõ vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự, nhất là trong việc hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự.

Điều 41. Trực tiếp kiểm sát

1. Viện kiểm sát các cấp trực tiếp kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự tại cơ sở giam giữ, cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp và cấp dưới, cơ quan, tổ chức được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự theo quy định tại Điều 22 và Điều 25 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Điều 141 Luật Thi hành án hình sự, Điều 6 và Điều 42 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam.

2. Viện kiểm sát các cấp căn cứ vào Chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; kế hoạch, chương trình công tác của Viện kiểm sát cấp trên và của đơn vị mình để định kỳ trực tiếp kiểm sát. Khi định kỳ trực tiếp kiểm sát có thể kiểm sát toàn diện hoặc kiểm sát một số nội dung trong công tác tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự.

Theo yêu cầu của cấp ủy, Hội đồng nhân dân hoặc khi xét thấy cần thiết, Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát đột xuất trong việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự.

3. Viện kiểm sát định kỳ trực tiếp kiểm sát như sau:

a) Định kỳ trực tiếp kiểm sát tại nhà tạm giữ, trại tạm giam trong việc tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam và hồ sơ quản lý tạm giữ, tạm giam.

Việc kiểm sát được tiến hành hàng ngày tại nhà tạm giữ; ít nhất hai lần một tuần tại trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh, trại tạm giam cấp quân khu; hàng tháng tại trại tạm giam thuộc Bộ Công an, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Định kỳ trực tiếp kiểm sát tại nhà tạm giữ, trại tạm giam theo từng nội dung hoặc kiểm sát toàn diện về việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục phạm nhân. Việc kiểm sát được tiến hành vào Quý I, và Quý III; 06 tháng đầu năm và 06 tháng cuối năm tiến hành kiểm sát toàn diện.

Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện kiểm sát toàn diện một năm một lần trong việc tạm giữ hình sự đối với buồng tạm giữ thuộc Đồn biên phòng đóng quân trên địa bàn nếu có việc bắt, tạm giữ hình sự;

c) Số lượng các cuộc trực tiếp kiểm sát tại cơ quan thi hành án hình sự thuộc Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự thuộc Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo quy định của Hệ thống chỉ tiêu cơ bản đánh giá kết quả công tác nghiệp vụ trong ngành Kiểm sát nhân dân (ban hành kèm theo Quyết định số 379/QĐ-VKSTC ngày 10/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao).

4. Việc trực tiếp kiểm sát do Viện trưởng, Phó Viện trưởng hoặc Kiểm sát viên được phân công tiến hành có sự tham gia của Kiểm tra viên và phải có quyết định, kế hoạch kiểm sát, khi kết thúc phải có kết luận bằng văn bản.

Trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì không cần quyết định, kế hoạch kiểm sát và kết luận, nhưng phải được ghi vào Sổ kiểm sát; nếu phát hiện vi phạm thì phải lập biên bản với cơ sở giam giữ.

Trường hợp trực tiếp kiểm sát đột xuất thì không cần kế hoạch kiểm sát.

5. Trực tiếp kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:

a) Trước khi tiến hành trực tiếp kiểm sát, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên xây dựng văn bản đề xuất thành phần Đoàn, thời điểm, thời gian tiến hành, dự thảo quyết định, kế hoạch trực tiếp kiểm sát (nếu có) để lãnh đạo Viện kiểm sát xem xét, quyết định.

Trước khi tiến hành ít nhất 05 ngày làm việc, Viện kiểm sát gửi quyết định, kế hoạch tới đơn vị được kiểm sát; đồng thời, gửi quyết định trực tiếp kiểm sát đến cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của đơn vị được kiểm sát để phối hợp chỉ đạo thực hiện. Trường hợp trực tiếp kiểm sát đột xuất thì không phải gửi trước quyết định.

Trưởng Đoàn kiểm sát phân công thành viên Đoàn nghiên cứu tình hình chấp hành pháp luật, ưu điểm, những vi phạm, tồn tại, lưu ý (nếu có) và kết luận trực tiếp kiểm sát kỳ trước (nếu có) của đơn vị được kiểm sát để phục vụ cho công tác trực tiếp kiểm sát;

b) Tổ chức công bố quyết định, kế hoạch trực tiếp kiểm sát và nghe cơ quan được kiểm sát báo cáo về số liệu, tình hình chấp hành pháp luật; ưu điểm, vi phạm, tồn tại và đề xuất, kiến nghị trong việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án

hình sự. Thành phần tham dự công bố quyết định do Trưởng đoàn thống nhất với đơn vị được kiểm sát;

c) Trưởng đoàn phân công cho các thành viên trực tiếp kiểm sát theo các nội dung trong Kế hoạch. Trong quá trình kiểm sát, các thành viên Đoàn thông qua Trưởng đoàn đề yêu cầu đơn vị được kiểm sát cung cấp sổ sách, các báo cáo, văn bản, tài liệu có liên quan và hồ sơ quản lý tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự để kiểm sát; trực tiếp kiểm sát tại buồng tạm giữ, buồng tạm giam, buồng giam, buồng thăm gặp, buồng kỷ luật, nơi bán hàng căng tin, trạm xá, nơi lao động của phạm nhân và những nơi khác có liên quan; gặp hỏi người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người chấp hành án phạt tù về việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự; yêu cầu người liên quan giải trình và tiến hành xác minh (nếu thấy cần thiết).

Trong quá trình kiểm sát, nếu phát hiện vi phạm, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải lập biên bản xác định rõ sự việc, vi phạm, tồn tại có ký xác nhận của đại diện đơn vị được kiểm sát. Sau khi kết thúc kiểm sát, thành viên Đoàn báo cáo kết quả kiểm sát với Trưởng đoàn để tổng hợp, xây dựng dự thảo kết luận.

- Thành viên được phân công làm Thư ký có trách nhiệm tập hợp kết quả trực tiếp kiểm sát của các thành viên trong Đoàn để xây dựng dự thảo kết luận, trình Trưởng đoàn xem xét.

Khi phát hiện có vi phạm pháp luật, tồn tại trong việc thi hành tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thi hành tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự, Viện kiểm sát ban hành kết luận, kháng nghị, kiến nghị theo quy định của pháp luật và Điều 42, Điều 43 Quy chế này. Khi kết luận về các vi phạm, cần nêu rõ căn cứ pháp lý của vi phạm làm cơ sở cho việc kết luận.

Trường hợp qua trực tiếp kiểm sát mà phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc xem xét trách nhiệm hình sự đối với người vi phạm thì Trưởng đoàn trực tiếp kiểm sát phải báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát (ở Viện kiểm sát nhân dân tối cao thì báo cáo Vụ trưởng để báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát) trước khi ký kết luận trực tiếp kiểm sát.

- Dự thảo kết luận trực tiếp kiểm sát, dự thảo kháng nghị (nếu có), dự thảo kiến nghị (nếu có) phải được xây dựng ngay sau khi kết thúc cuộc trực tiếp kiểm sát. Thành phần tham dự công bố các dự thảo này do Trưởng đoàn thống nhất với đơn vị được kiểm sát.

Trưởng đoàn tự mình hoặc phân công thành viên Đoàn công bố dự thảo kết luận trực tiếp kiểm sát, dự thảo kháng nghị (nếu có), dự thảo kiến nghị (nếu có). Sau khi công bố các dự thảo này, nếu đơn vị được kiểm sát có ý kiến thì Trưởng đoàn trao đổi, tiếp thu ý kiến (nếu có) để hoàn thiện.

Thành viên do Trưởng đoàn phân công phải lập biên bản toàn bộ quá trình công bố dự thảo kết luận trực tiếp kiểm sát, dự thảo kháng nghị (nếu có), dự thảo kiến nghị (nếu có) và có ký xác nhận của lãnh đạo đơn vị được kiểm sát và Trưởng đoàn trực tiếp kiểm sát.

Điều 42. Thực hiện quyền kháng nghị

1. Viện kiểm sát thực hiện quyền kháng nghị đối với quyết định, hành vi của cơ quan, tổ chức, cá nhân được quy định tại Điều 3 Quy chế này khi có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, xâm phạm quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đề yêu cầu chấm dứt, khắc phục và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và Điều 37 Quy chế này. Thẩm quyền kháng nghị được thực hiện như sau:

a) Viện kiểm sát kháng nghị hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền của cơ quan cùng cấp và cấp dưới trong việc tạm giữ, tạm giam;

b) Viện kiểm sát kháng nghị hành vi, quyết định của Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp và cấp dưới; của cơ quan, tổ chức được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự và cá nhân có liên quan trong việc thi hành án hình sự.

2. Viện kiểm sát kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm những quyết định sau đây của Tòa án cùng cấp và cấp dưới: quyết định miễn, giảm thời hạn chấp hành án phạt tù; quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện; quyết định rút ngắn thời gian thử thách của án treo; quyết định rút ngắn thời gian thử thách của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; quyết định giảm thời hạn, miễn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ; quyết định miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú, miễn chấp hành thời hạn quản chế còn lại.

Khi thực hiện công tác kiểm sát, nếu phát hiện vi phạm của Tòa án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên thu thập các tài liệu để báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát cấp mình xem xét, quyết định việc kháng nghị.

Điều 43. Thực hiện quyền kiến nghị

Trường hợp hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền và cá nhân có liên quan trong tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự có vi phạm pháp luật ít nghiêm trọng không thuộc trường hợp kháng nghị quy định tại Điều 42 Quy chế này thì Viện kiểm sát kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân đó khắc phục vi phạm pháp luật và xử lý nghiêm minh người vi phạm pháp luật; nếu phát hiện sơ hở, thiếu sót hoặc nguyên nhân, điều kiện có thể dẫn đến vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý thì kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan khắc phục và áp dụng các biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm.

Điều 44. Kiểm sát việc thực hiện kháng nghị, kiến nghị

1. Viện kiểm sát các cấp phải xây dựng kế hoạch kiểm sát việc thực hiện toàn bộ các kháng nghị, kiến nghị do cấp mình ban hành đối với cơ sở giam giữ, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự. Kiểm sát việc thực hiện kháng nghị, kiến nghị có thể thực hiện bằng phương thức trực tiếp kiểm sát hoặc yêu cầu tự kiểm tra và thông báo kết quả. Đối với các kháng nghị, kiến nghị qua trực tiếp kiểm sát, thì kiểm sát việc thực hiện kháng nghị, kiến nghị có thể thực hiện trong lần trực tiếp kiểm sát kế tiếp.

2. Trực tiếp kiểm sát việc thực hiện kháng nghị, kiến nghị thực hiện tương tự như trực tiếp kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự quy định tại khoản 5 Điều 41 Quy chế này.

Điều 45. Phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật và quyết định trả tự do

1. Viện kiểm sát có trách nhiệm áp dụng mọi phương thức kiểm sát theo quy định của pháp luật để phát hiện và xử lý kịp thời vi phạm pháp luật theo thẩm quyền trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự.

2. Khi kiểm sát tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù, nếu phát hiện người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù thuộc một trong những trường hợp sau đây mà đang bị giam, giữ thì Viện trưởng Viện kiểm sát ra quyết định trả tự do ngay cho họ:

a) Viện kiểm sát không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp; người bị tạm giữ không có quyết định của cơ quan và người có thẩm quyền; người đã được Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định tạm giữ, người bị tạm giữ đã có quyết định trả tự do; người mà Viện kiểm sát không phê chuẩn gia hạn tạm giữ;

b) Người bị tạm giam nhưng không có lệnh, lệnh không có phê chuẩn của Viện kiểm sát (đối với những trường hợp luật quy định phải có phê chuẩn của Viện kiểm sát); người đã được Viện kiểm sát quyết định không gia hạn tạm giam; người đã có quyết định huỷ bỏ việc tạm giam; người đã có quyết định trả tự do hoặc áp dụng biện pháp ngăn chặn khác; người đã có quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án mà không bị giam giữ về hành vi phạm tội khác; người đã được Tòa án xét xử và quyết định trả tự do; tuyên không phạm tội, được miễn trách nhiệm hình sự; miễn hình phạt, hình phạt không phải là tù giam, thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời gian đã bị tạm giam;

c) Người đã chấp hành xong thời hạn phạt tù ghi trong bản án nếu họ không bị tạm giam về một hành vi phạm tội khác; người đã có quyết định giảm hết thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại; người đã có quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện; người đã có quyết định đặc xá của Chủ tịch nước; người đã có quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù; người đã có quyết định tạm đình chỉ thi hành bản án; người đã có quyết định miễn chấp hành án phạt tù; người bị bắt thi hành bản án đã hết thời hiệu theo quy định của Bộ luật Hình sự.

3. Khi phát hiện việc giam, giữ người thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều này, Viện kiểm sát thực hiện các nội dung sau:

a) Lập biên bản vi phạm về việc giam, giữ không có căn cứ và trái pháp luật;

b) Ra quyết định trả tự do ngay cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù theo quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam hoặc Luật Thi hành án hình sự; đồng thời báo cáo về Viện kiểm sát nhân dân tối cao (qua Vụ Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự) để quản lý, chỉ đạo thống nhất;

c) Kháng nghị, kiến nghị cơ quan đang thụ lý vụ án, cơ sở giam giữ, cơ quan khác có liên quan (nếu có vi phạm).

Điều 46. Khởi tố vụ án hình sự

Khi kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự, nếu phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên có trách nhiệm thu thập các chứng cứ, tài liệu, đồ vật có liên quan, báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát xem xét, quyết định việc khởi tố vụ án hình sự hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Hồ sơ trong công tác kiểm sát

Khi thực hiện kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự, Viện kiểm sát phải lập và quản lý các hồ sơ sau đây:

1. Hồ sơ trực tiếp kiểm sát (kể cả hồ sơ trực tiếp kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; trực tiếp kiểm sát việc thực hiện kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu của Viện kiểm sát) bao gồm:

- a) Quyết định và kế hoạch trực tiếp kiểm sát việc tuân theo pháp luật;
- b) Báo cáo việc tuân theo pháp luật của đơn vị được kiểm sát;
- c) Dự thảo kết luận và kết luận trực tiếp kiểm sát, dự thảo kháng nghị và kháng nghị (nếu có), dự thảo kiến nghị và kiến nghị (nếu có);
- d) Biên bản làm việc và các tài liệu liên quan đến vi phạm pháp luật;
- đ) Văn bản trả lời việc thực hiện kháng nghị, kiến nghị (nếu có).

2. Hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và trong quản lý, giáo dục phạm nhân, bao gồm:

- a) Đơn khiếu nại, tố cáo hoặc văn bản ghi nội dung khiếu nại, tố cáo;
- b) Quyết định thụ lý giải quyết khiếu nại, tố cáo;
- c) Biên bản xác minh, kết quả giám định, thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết;
- d) Văn bản giải trình của người bị khiếu nại, tố cáo;
- đ) Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo trong trường hợp người giải quyết tố cáo giao cho người khác tiến hành xác minh;
- e) Quyết định giải quyết khiếu nại; kết luận nội dung tố cáo;
- g) Quyết định xử lý;
- h) Tài liệu khác có liên quan.

3. Hồ sơ Viện kiểm sát kháng nghị, yêu cầu tự kiểm tra và thông báo kết quả và các hồ sơ khác được Viện kiểm sát các cấp lập và quản lý theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

4. Hồ sơ kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự phải được sắp xếp theo thứ tự và đánh số, có bảng kê tài liệu kèm theo. Việc quản lý, sử dụng, bảo quản, lưu trữ thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Chương VI
QUẢN LÝ TÌNH HÌNH TẠM GIỮ, TẠM GIAM,
THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

Điều 48. Yêu cầu về quản lý tình hình

Công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau đây:

1. Phải tiến hành thường xuyên, theo dõi đầy đủ, kịp thời từng trường hợp đang bị tạm giữ, tạm giam và chấp hành án;
2. Theo dõi chặt chẽ diễn biến trong việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật;
3. Theo dõi, quản lý tình hình chấp hành pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự của nhà tạm giữ, trại tạm giam, buồng tạm giữ thuộc Đoàn biên phòng, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan, tổ chức được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
4. Theo dõi, quản lý tình hình hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án;
5. Theo dõi, quản lý những thông tin, diễn biến khác trong việc tạm giữ tạm giam, thi hành án hình sự.

Điều 49. Nguồn thông tin về tình hình

Thông tin về tình hình chấp hành pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự và việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án được thu thập, quản lý từ các nguồn sau đây:

1. Thông qua trực tiếp kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự;
2. Thông qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, sổ theo dõi về việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự của buồng tạm giữ thuộc Đoàn biên phòng, nhà tạm giữ, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan, tổ chức được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; hồ sơ, tài liệu về việc áp dụng việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án;
3. Thông qua quan hệ phối hợp công tác với các cơ quan, đơn vị;
4. Thông qua thông tin, báo cáo của người có thẩm quyền trong quản lý, canh gác, dẫn giải, giám sát tại buồng tạm giữ thuộc Đoàn biên phòng, nhà tạm giữ, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan, tổ chức được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự;
5. Thông qua kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;
6. Thông qua khiếu nại, tố cáo của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người chấp hành án, người phải chấp hành biện pháp tư pháp và của công dân;

7. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng;
8. Thông qua các nguồn thông tin khác.

Điều 50. Quản lý và xử lý tình hình

1. Việc quản lý tình hình tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự theo yêu cầu tại Điều 48 Quy chế này phải được thực hiện thông qua hệ thống hồ sơ, tài liệu, sổ ghi chép, theo dõi tình hình chấp hành pháp luật.

2. Sổ theo dõi, quản lý tình hình chấp hành pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự được thực hiện theo Mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

3. Hồ sơ, tài liệu theo dõi tình hình chấp hành pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự bao gồm:

a) Hồ sơ về người bị tạm giữ, người bị tạm giam, phạm nhân trốn, chết, phạm tội mới; hồ sơ hoãn, miễn, giảm thời hạn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện;

b) Hồ sơ theo dõi việc khiếu nại, kiến nghị; hồ sơ kháng nghị việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án;

c) Hồ sơ kháng nghị các quyết định về thi hành án hình sự;

d) Hồ sơ về vụ việc có dấu hiệu tội phạm;

đ) Các tài liệu được thu thập trong quá trình kiểm sát tại Tòa án, buồng tạm giữ thuộc Đồn biên phòng, nhà tạm giữ, trại tạm giam; cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan, tổ chức được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự trong tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự nếu không thuộc các tài liệu phải đưa vào hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều này.

4. Việc theo dõi, quản lý tình hình chấp hành pháp luật trong tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự phải được ghi nhận đầy đủ vào sổ theo dõi hoặc lập hồ sơ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Nếu phát hiện vi phạm thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên có trách nhiệm tổng hợp, phân tích những vi phạm, xác định nguyên nhân, điều kiện dẫn đến vi phạm, báo cáo Viện trưởng và đề xuất áp dụng biện pháp xử lý, khắc phục vi phạm

Điều 51. Theo dõi kết quả việc chỉ đạo và xử lý tình hình

1. Đơn vị Kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự thuộc Viện kiểm sát cấp trên có trách nhiệm trực tiếp áp dụng hoặc chỉ đạo Viện kiểm sát cấp dưới áp dụng biện pháp để khắc phục, xử lý vi phạm trong tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự; theo dõi kết quả thực hiện của Viện kiểm sát cấp dưới hoặc kết quả sau khi cấp mình đã áp dụng các biện pháp để tổng hợp, báo cáo Viện trưởng. Viện kiểm sát cấp dưới phải báo cáo Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp.

2. Trường hợp Viện kiểm sát ban hành yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị nhưng đơn vị được kiểm sát không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ; nếu

xét thấy cần thiết, Viện kiểm sát ban hành kiến nghị gửi đơn vị cấp trên trực tiếp của đơn vị được kiểm sát để có biện pháp quản lý, đôn đốc việc thực hiện, trừ trường hợp có lý do khách quan và đơn vị được kiểm sát đã thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát.

Chương VII

QUAN HỆ CÔNG TÁC, CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 52. Quan hệ công tác

1. Viện trưởng Viện kiểm sát trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự của Viện kiểm sát cấp mình; đơn vị nghiệp vụ của Viện kiểm sát cấp trên hướng dẫn nghiệp vụ đối với Viện kiểm sát cấp dưới. Viện kiểm sát cấp dưới phải nghiêm túc thực hiện hướng dẫn và chỉ đạo của Viện kiểm sát cấp trên. Viện trưởng Viện kiểm sát các cấp chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Căn cứ vào phạm vi công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự và Chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng chương trình, hướng dẫn công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự của cấp mình và hướng dẫn cấp dưới thực hiện.

3. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đơn vị Kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự và các đơn vị nghiệp vụ liên quan khác thuộc ngành Kiểm sát nhân dân phối hợp chặt chẽ, thông tin thường xuyên, đầy đủ, kịp thời những vi phạm, tội phạm và những biện pháp đã áp dụng có liên quan đến công tác tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự để phòng ngừa và loại trừ vi phạm theo các Quy chế do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

Điều 53. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo

1. Trong công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự, Viện kiểm sát các cấp thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo Quy chế về chế độ thông tin, báo cáo, quản lý công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân (ban hành kèm theo Quyết định số 279/QĐ-VKSTC ngày 01/8/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao) và hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Viện kiểm sát các cấp có trách nhiệm báo cáo tình hình đột xuất xảy ra ở buồng tạm giữ thuộc Đoàn biên phòng, nhà tạm giữ, trại tạm giam và trại giam, nơi thi hành biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh, trường giáo dưỡng như: người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người chấp hành án phạt tù chết, trốn, phá trại, phạm tội mới, tai nạn, dịch bệnh hoặc các sự biến đột xuất nghiêm trọng khác đến Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp để có sự chỉ đạo kịp thời. Trong báo cáo phải nêu rõ diễn biến sự việc và ý kiến chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp mình đã áp dụng, dự kiến tình hình có thể sẽ phát sinh.

Chương VIII
CHẾ ĐỘ BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG
VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Chế độ bảo đảm hoạt động

1. Khi thực hiện công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức khác trong ngành Kiểm sát nhân dân được trang bị khẩu trang, găng tay cao su, ủng cao su và các dụng cụ, trang thiết bị cần thiết khác để phục vụ công tác và bảo đảm an toàn; được hưởng chế độ bồi dưỡng đặc thù theo quy định của pháp luật.

2. Viện kiểm sát các cấp phải bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các phương tiện hoạt động nghiệp vụ để thực hiện tốt công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự.

Điều 55. Hiệu lực của Quy chế

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

2. Các quy định trước đây của ngành Kiểm sát nhân dân trái với Quy chế này bị bãi bỏ.

Điều 56. Trách nhiệm thi hành

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp, Thủ trưởng đơn vị nghiệp vụ thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi trách nhiệm của mình tổ chức thực hiện, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc những vấn đề mới cần bổ sung thì báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao (thông qua Vụ Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự) để hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung kịp thời.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định./.